

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN
Địa chỉ: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (84-061) 3823187 Fax: (84-061) 6289043
Website: <http://www.tienlengroup.com.vn>



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020 ANNUAL REPORT

NĂM 2020

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
THÉP TIỀN LÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(No):01/2021-BCTN

Biên Hoà, ngày(day) 10 tháng(month) 03 năm(year) 2021

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm /Year 2020

Kính gửi (To) : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*: CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.*:3600512830
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: **1.021.106.210.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: **1.021.106.210.000 đồng**
- Địa chỉ/*Address*: G4A, khu phố 4, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại/*Telephone*: 0251.3823187
- Số fax/*Fax*: 0251.3829043
- Website : www.tienlengroup.com.vn Email : congbothongtin@tienlen.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: TLH
- Biểu tượng của công ty (Logo)



2. Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

a. Quá trình hình thành và phát triển:

Thời gian	Nội dung
Năm 1988	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên được thành lập năm 1988, tiền thân là một cửa hàng vật liệu xây dựng, hoạt động theo mô hình hộ kinh doanh cá thể:

Năm 1993	Từ năm 1993 chuyển đổi thành doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, với ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán vật liệu xây dựng, trong đó, sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm về sắt thép.
Năm 2001	Trải qua 16 năm hoạt động và phát triển, từ doanh nghiệp tư nhân Tiến Lên, Công ty đã chuyển đổi lần thứ nhất thành Công ty TNHH Tiến Lên ngày 22/11/2001 với mức vốn điều lệ ban đầu chỉ là: 15 tỷ đồng. Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty TNHH, lĩnh vực hoạt động được mở rộng, doanh thu và lợi nhuận tăng nhanh vượt bậc trong giai đoạn năm 2006 đến năm 2008.
Năm 2008	Công ty TNHH Tiến Lên đã tăng vốn lên 226 tỷ đồng với doanh thu trên 1.000 tỷ đồng mỗi năm. Cũng tại thời điểm này, Công ty đã tiến hành mua lại phần lớn vốn góp, sáp nhập 02 Công ty sản xuất và gia công thép hình khác là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc và Công ty TNHH Thép Tây Nguyên thành công ty con của Tiến Lên với mức chi phối trên 95%, giúp cho Tiến Lên trở thành một trong những doanh nghiệp đi đầu cả nước trong việc sản xuất và kinh doanh thép hình (U,I,V) các loại.
Năm 2009	Ngày 18/08/2009 Công ty TNHH Tiến Lên thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến lên với mức vốn thực góp là 449.530.000.000 VNĐ. với 2 công ty con trực thuộc và 01 công ty liên kết là : <ul style="list-style-type: none"> - Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Đại Phúc, ngày thành lập 30/11/2001, vốn điều lệ l à 120.000.000.000 VNĐ,. - Công ty TNHH Thép Tây Nguyên, ngày thành l ập 07/08/1999, vốn điều lệ l à 161.000.000.000 VNĐ. - Công ty Cổ Phần Thép Bắc Nam, tại Khu Công Nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
Tiếp theo năm 2009	- Ngày 05/10/2009 Công ty hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 9.047.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên công ty và một số cổ đông chiến lược bên ngoài (dưới 100 cổ đông), tăng vốn lên 540.000.000.000 VNĐ. Từ thời điểm này, Tiến Lên chính thức trở thành công ty đại chúng và đã đăng ký với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
Năm 2010	- Ngày 09/09/2010, Công ty phát hành 3.706.814 cổ phiếu, tỷ lệ 6,86% để tăng vốn điều lệ lên 577.068.140.000 đồng.
Năm 2013	- Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 4.674.719 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 8,10 % để tăng vốn điều lệ lên 623.815.330.000 đồng. - Ngày 25/03/2013, Công ty phát hành 18.304.155 cổ phiếu để hoán đổi lấy 15.040.283 cổ phiếu của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phúc Tiến vào Công CP tập đoàn thép Tiến Lên, tỷ lệ 29,34% để tăng vốn điều lệ lên 806.856.880.000 đồng.

Năm 2016	-Ngày 17/02/2016, Công ty phát hành 3.959.876 cổ phiếu, tỷ lệ 4,9% để tăng vốn điều lệ lên 846.455.640.000 đồng.
Năm 2017	-Ngày 14/07/2017, Công ty phát hành 8.316.749 cổ phiếu, tỷ lệ 10% để tăng vốn điều lệ lên 929.623.130.000 đồng.
Năm 2018	-Ngày 13/07/2018, Công ty phát hành thêm 9.148.308 cổ phiếu, tỷ lệ 10% để tăng vốn điều lệ lên 1.021.106.210.000 đồng.

- Các sự kiện khác/ *Other events*: Không có

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business lines and locations of the business*:

a. Ngành nghề kinh doanh/*Business lines*: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Sản xuất và kinh doanh sắt thép (không sản xuất tại trụ sở)

b. Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

+ Các tỉnh miền Bắc (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Ninh, Thái Bình, Phú Lý, Thanh Hoá)

+ Các tỉnh miền Trung (Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Thuận, Bình Định)

+ Các tỉnh miền Đông Nam Bộ (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước)

+ Các tỉnh miền Tây Nam Bộ (Cần Thơ, Vĩnh Long, Long An)

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (công ty chọn mô hình theo quy định điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng quản trị (HĐQT):

Cơ quan phê chuẩn : Đại hội đồng cổ đông

Số thành viên HĐQT hiện tại : 08 thành viên HĐQT

Số thành viên quản trị không điều hành: 01 thành viên

Số thành viên hội đồng quản trị độc lập : Chưa có

+ Ban kiểm soát

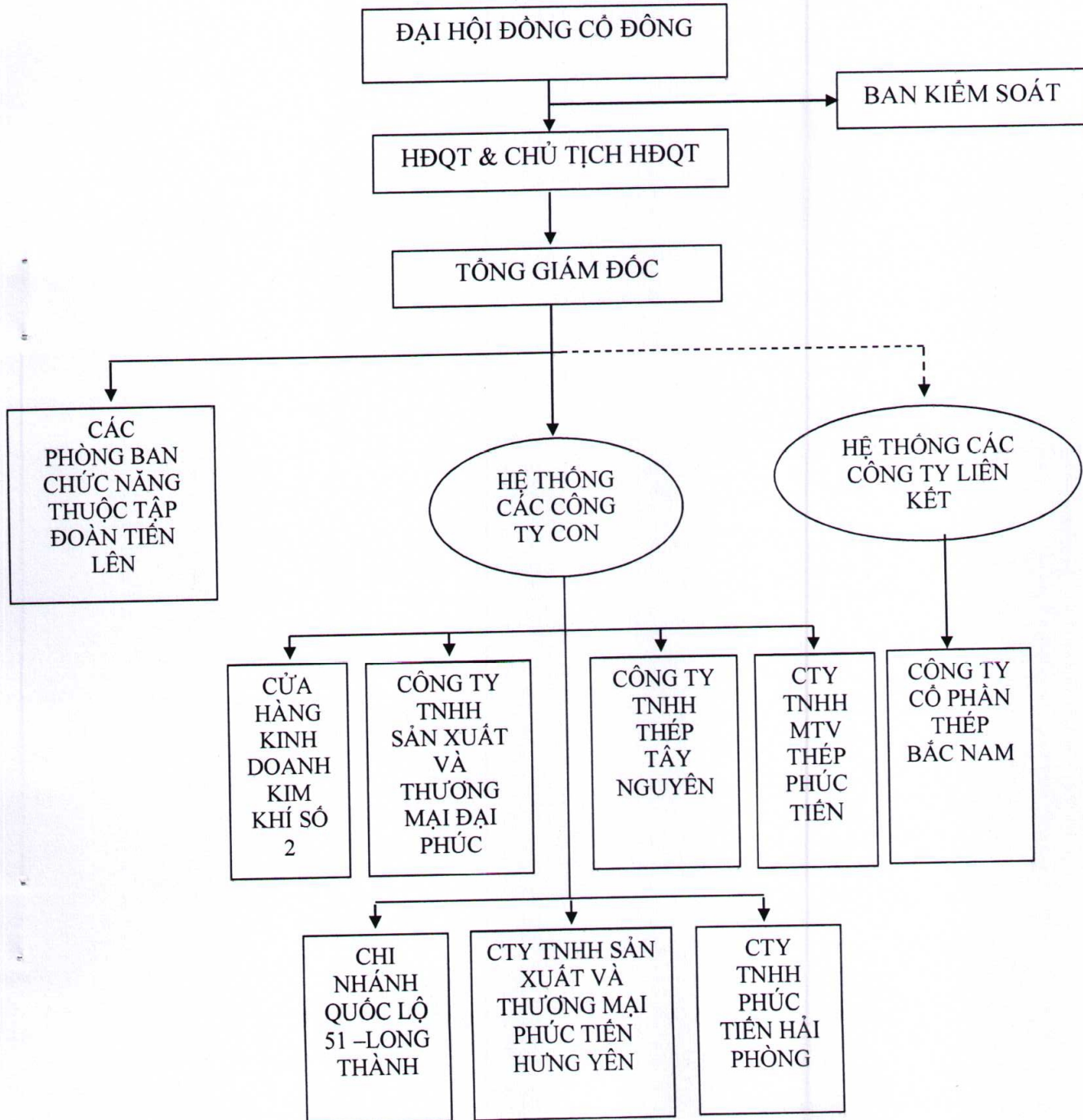
Cơ quan phê chuẩn : Đại hội đồng cổ đông

Số thành viên của BKS : 3 thành viên

+ Ban Tổng giám đốc;

+ Các phòng ban chức năng;

SƠ ĐỒ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TẬP ĐOÀN TIỀN LÊN

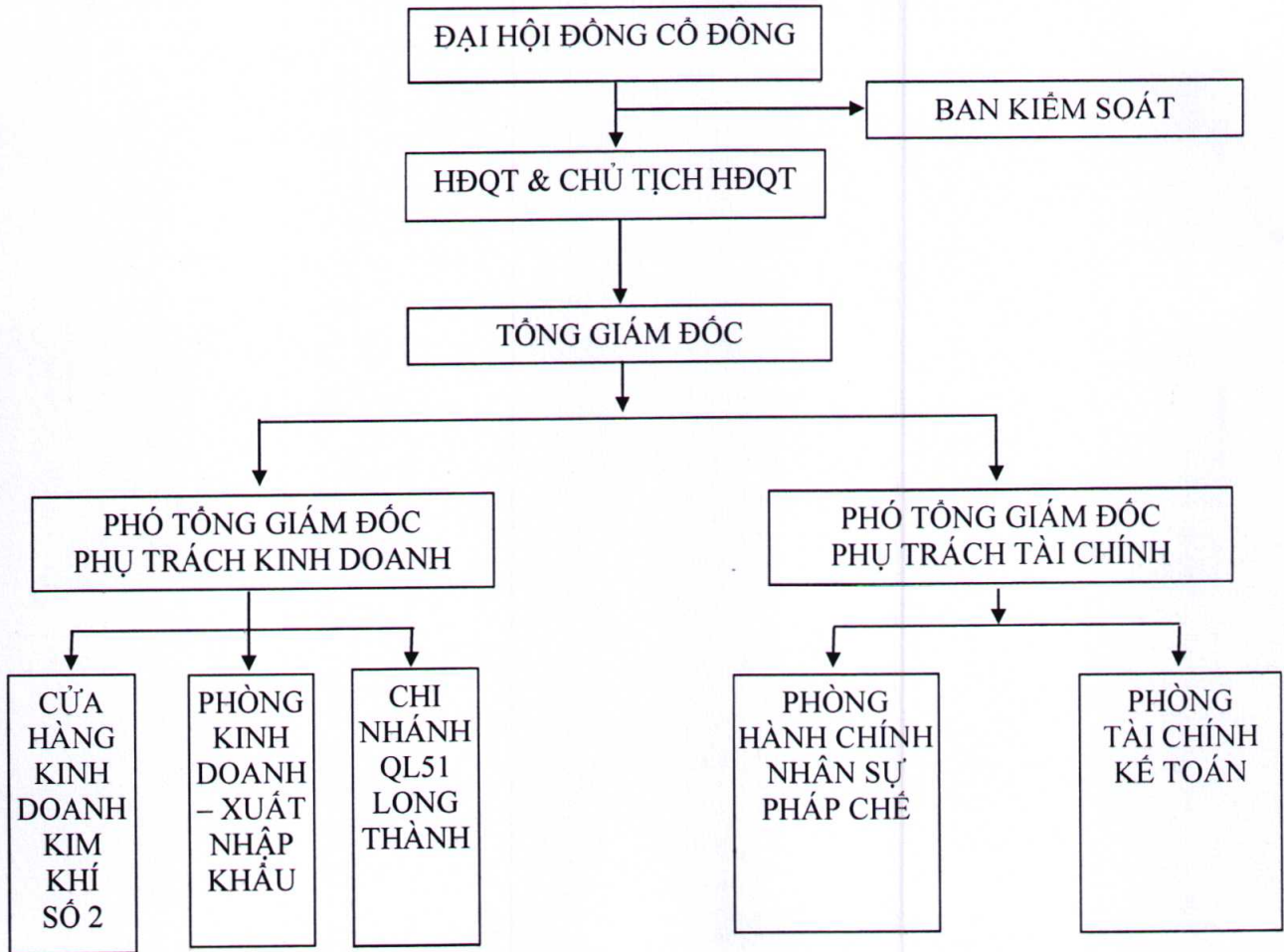


Chú thích : Đường : —————> Chi đạo trực tiếp
Đường : - - - - -> Phối hợp, hỗ trợ, kiểm soát

- Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.

- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban tổng giám đốc;
- + Phòng tài chính – kế toán
- + Phòng hành chính- Nhân sự- Pháp chế
- + Phòng kinh doanh-Xuất nhập khẩu
- + Các cửa hàng, Chi nhánh, Văn phòng đại diện

CƠ CẤU QUẢN LÝ BỘ MÁY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN



Chú thích : Đường : —————> Chi đạo trực tiếp
 Đường : - - - - -> Phối hợp, hỗ trợ, kiểm soát

2. Tổ chức nhân sự :

2.1 Ban tổng giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên ban tổng giám đốc, kế toán trưởng	Chức vụ
1	Phạm Thị Hồng	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Quang (Miễn nhiệm ngày 30/09/20020)	Phó tổng giám đốc
3	Dương Quang Bình	Phó tổng giám đốc
4	Đào Thị Kim Loan (Miễn nhiệm ngày 01/03/2020)	Kế toán trưởng
5	Ngô Thị Hồng Vân (Bổ nhiệm ngày 01/03/2020)	Kế toán trưởng

Lý lịch trích ngang :

- Bà Phạm Thị Hồng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/10/1968

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: D21, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại liên lạc: 0251.823.187

Số CMND: 271.432.411 cấp ngày 31/05/2011 do CA Đồng Nai

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Số cổ phần sở hữu đến ngày 31/12/2020: 11.603.706 Tỷ lệ cổ phần sở hữu(%): 11,36%

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 1993 đến năm 2001	Quản lý tại DNTN Tiến Lên	Trợ lý cho chủ doanh nghiệp
Từ năm 2002- >09/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Giám đốc công ty
Từ 10/2009 đến nay	Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên	Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quang – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Giới tính: Nam.

Ngày sinh: 1961

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán:

Địa chỉ thường trú: 93/74 Khu phố 5, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại liên lạc :

Số CMND:

Ngày cấp:

Nơi cấp: CA Đồng Nai

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Số cổ phần sở hữu đến ngày 31/12/2020 :

Tỷ lệ cổ phần sở hữu(%):

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 1993 - >2001	DNTN Tiến Lên	Quản lý doanh nghiệp
Từ năm 2002- >09/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Phó giám đốc phụ trách kinh doanh
Từ 10/2009 đến 09/2020	Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên	Phó tổng giám đốc
Từ 10/2020 đến nay	Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên	Thôi giữ chức vụ Phó tổng giám đốc

- Ông Dương Quang Bình – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Giới tính: Nam.

Ngày sinh: 07/05/1964

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Thôn Mỹ Thuận, xã Phổ Thuận, Huyện Đức Phổ. Tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 120/36 đường Ngô Quyền, phường An Hoà, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại liên lạc: 0848.941.884

Số CMND: 270836891 do công an Đồng Nai cấp ngày 14/11/2009

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật – Luật sư/ Cử nhân Tài chính- Kế toán

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc

Số cổ phần sở hữu đến ngày 31/12/2020: 29.080 CP Tỷ lệ cổ phần sở hữu(%): 0,03%

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 02/1987 đến 09/1990	Công ty Cung ứng dịch vụ Vĩnh An	Kế toán trưởng
Từ 05/1990- >04/1995	Công ty thương nghiệp tổng hợp Vĩnh An	Phó phòng kế toán
Từ 06/1995 -> 04/1999	Trạm kinh doanh thương mại tổng hợp	Kế toán trưởng
Từ 06/1995 -> 04/1999	Công ty thương mại dịch vụ Biên Hoà	Phó phòng kế toán; Phó phòng kế hoạch – Đầu tư
Từ 06/1995 -> 04/1999	Trung tâm kinh doanh xuất nhập khẩu Biên Hoà	Giám đốc trung tâm
Từ năm 1999 -> 2002	DNTN Tiến Lên	Kế toán trưởng
Từ năm 2002 -> 10/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Phó giám đốc công ty
Từ 10/2009 đến nay	Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên	Phó tổng giám đốc

Lý lịch trích ngang:

- Bà Ngô Thị Hồng Vân- Kế toán trưởng

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 23/04/1975

Nơi sinh: Tiền Giang

Số CMND (hoặc số hộ chiếu): 311442173 Ngày cấp: 10/05/2006 Nơi cấp: Công an Tiền Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 53/4X Tổ 15 Khu phố 1 F. Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại liên lạc: 0906912841

Số CP nắm giữ: 18.180 chiếm 0.02% vốn điều lệ

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng kiêm Người công bố thông tin

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 1999->2002	DNTN Tiến Lên	Kế toán
Từ 2002->10/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Kế toán tổng hợp
Từ 10/2009->02/2020	Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên	Kế toán tổng hợp
Từ 01/03/2020 đến nay	Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên	Kế toán trưởng

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*:

✓ Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc

Địa chỉ : 08 đường Song Hành, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân , TP.Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh sắt thép

Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng

Giá trị đầu tư vào công ty con : 114.996.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ : 95,83%

Mã số thuế : 0302482409

2. Công ty TNHH thép Tây Nguyên

Địa chỉ: 12-14 đường số 1, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và buôn bán sắt thép

Vốn điều lệ: 161.000.000.000 đồng

Giá trị đầu tư vào công ty con: 156.841.550.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 97,35%

Mã số thuế : 0301962730

3. Công ty TNHH MTV thép Phúc Tiến

Địa chỉ: Lô 3-9A, Cụm TTCN Hai Bà Trưng, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ: 214.400.300.000 đồng

Giá trị góp vốn: 214.400.300.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Mã số thuế : 0101008460

4. Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng

Địa chỉ : Thôn Bắc Hà, xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ: 37.500.000.000 đồng

Giá trị đầu tư vào công ty con : 27.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ : 72%

Mã số thuế : 0200915678

5. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên

Địa chỉ : Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Giá trị đầu tư vào công ty con : 80.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ : 100%

Mã số thuế : 0900218760

Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Công ty liên kết :

1. Công ty Cổ phần thép Bắc Nam

Địa chỉ: Dốc 47, KCN Tam Phước, Phường Tam Phước, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh thép

Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng

Giá trị đầu tư vào công ty con : 172.800.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 48%

Mã số thuế :3600.479.277

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác:

Công ty cổ phần tập đoàn thép Tiến Lên không góp vốn vào đơn vị khác

4. Định hướng phát triển/Development orientations

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Main objectives of the Company.

- a. Tập trung cải tiến năng lực quản lý;
- b. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng;
- c. Đầu tư và phát triển hệ thống;
- d. Áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị công ty;
- e. Tăng cường, củng cố và ổn định năng lực tài chính.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Development strategies in medium and long term.

- a. Xây dựng phương thức hoạt động theo thể chế kinh tế thị trường (khách hàng, người lao động, cổ đông), coi đây là tiền đề quyết định để công ty phát triển;
- b. Cải cách đổi mới của từng bộ phận, từng lĩnh vực, tiếp tục bổ sung nhân sự tại các vị trí còn thiếu. Thực hiện phân quyền, giao vốn cho các đơn vị thành viên được chủ động trong hoạt động kinh doanh;
- c. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin (CNTT) trong sản xuất và trong quản lý, xem CNTT là nền tảng của công thức phát triển mới;
- d. Tập trung phát triển mảng công nghệ điện tử để tận dụng yếu tố công nghệ;
- e. Đa dạng hóa các nhà cung cấp để chủ động hàng hóa đầu vào trong đó có việc xúc tiến và triển khai ký kết các hợp đồng đại lý cấp 1 với các nhà sản xuất trong nước như Posco SS, Formosa, Hòa Phát để khai thác hệ thống kho và năng lực bán hàng hiện tại.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

- a. Hoàn thiện bộ máy hoạt động, ổn định sản xuất;
- b. Củng cố lại quy chế tài chính: vấn đề về tỷ giá, thiên tai, chính sách, đề ra giải pháp cân đối các chỉ tiêu phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù của từng thời kỳ. Phối hợp hiệu quả với các cơ quan kiểm toán để đảm bảo thời gian báo cáo minh bạch, chính xác các hoạt động trước Đại hội đồng cổ đông và nhà đầu tư;
- c. Tập trung điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản xuất, nâng cao uy tín các mặt hàng truyền thống, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến tận từng khách hàng;
- d. Với vai trò là Công ty mẹ, Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên đóng vai trò điều phối hạt nhân của hệ thống Tập đoàn, kết nối các thành viên trong Tập đoàn nhằm tăng cường nguồn lực về tài chính và quản trị cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

5. Các rủi ro/Risks:

- a. Rủi ro về giá :

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn cuối kỳ tại ngày 31/12/2020 trị giá 20.030.378.972 đồng được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

- b. Rủi ro thị trường :

Hoạt động kinh doanh của công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

c. Rủi ro về tỷ giá hối đoái :

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền Việt Nam.

d. Rủi ro thanh khoản :

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

e. Rủi ro về lãi suất :

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

f. Rủi ro về tài chính:

Rủi ro tài chính của công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

g. Rủi ro về chính sách của Nhà Nước : Không có

h. Rủi ro về thiên tai, bất khả kháng: Không có

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the*

year:

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Số tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước % (+/-)
1	Tổng giá trị tài sản	3.573	2.774	-799	-22,36%
2	Doanh thu thuần	5.396	4.085	-1.311	-24,30%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-135	93	228	168,89%

4	Lợi nhuận khác	-10	2	12	120,00%
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	-144	95	239	165,97%
6	Lợi nhuận sau thuế	-146	79	225	154,11%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-1.420	754	2.174	153,07%

+ Trong năm 2020 Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể CBCNV tập đoàn đã cố gắng đạt kết quả doanh thu thuần là 4.085 tỷ đồng, đồng thời thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong năm thông qua các biện pháp tăng cường bám sát thị trường và đưa ra những kế hoạch phù hợp để giảm thiểu các rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban điều hành cũng giám sát sâu sát hơn nữa, để nhận định xu hướng thị trường cho năm 2021 nhằm giảm thiểu rủi ro để mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn, nhằm đáp ứng sự tăng trưởng bền vững cho Công ty.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan:

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

- Trong năm 2020 doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 4.085 tỷ đồng, giảm 24.35 % so với năm 2019 và giảm 9.22% so với kế hoạch đề ra;
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 đạt 79 tỷ đồng, tăng 154.11% so với năm 2019 và tăng 157 % so với kế hoạch đề ra;

Đánh giá: Năm 2020, Là năm đầy khó khăn và thách thức với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã không dự đoán được sự bùng phát và diễn biến phức tạp của dịch bệnh viêm phổi cấp Covid – 19, Công ty cổ phần Tập Đoàn Thép Tiên Lên đã cố gắng phấn đấu đạt được doanh thu 4.085 tỷ đồng tuy không đạt được kế hoạch đề ra, nhưng công ty cũng đã đạt được mức lợi nhuận sau thuế là 79 tỷ đồng tăng 157% so kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra trong năm vừa qua.

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

a. Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management:

STT	Tên Thành Viên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Hồng	Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Quang	Phó tổng giám đốc, miễn nhiệm ngày 30/05/2020
3	Ông Dương Quang Bình	Phó tổng giám đốc
4	Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng; Từ tháng 03/2020 thôi giữ chức Kế toán trưởng.
5	Bà Ngô Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng từ tháng 03/2020 giữ chức Kế toán trưởng

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management:

STT	Ngày/Tháng/Năm	Nội dung thay đổi
1	30/05/2020	Hội đồng quản trị miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Quang chức vụ Phó tổng giám đốc.
2	01/03/2020	Hội đồng quản trị miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Đào Thị Kim Loan.
3	01/03/2020	Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Ngô Thị Hồng Vân .

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/
Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.:

Số lượng CBCNV Tập đoàn tính tới ngày 31/12/2020 là 310 người, nhìn chung lực lượng lao động trong công ty ổn định nhờ chính sách của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty cùng sự phối hợp với BCH công đoàn cơ sở quan tâm tới đời sống của người lao động trong lúc tình hình đại dịch Covid 19 diễn biến phức tạp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Trong năm tài chính 2020 công ty không có khoản đầu tư lớn nào với tâm lý lo ngại ảnh hưởng của đại dịch tới nền kinh tế toàn cầu đầy rủi ro.

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*:

- Các công ty con :

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	1.826	937	-889	-48,69%
2	Lợi nhuận gộp	32	52	20	62,50%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	-45	18	63	140,00%
4	Lợi nhuận sau thuế	-45	16	61	135,56%

2. Công ty TNHH Thép Tây Nguyên

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	1.535	1.049	-486	-31,66%
2	Lợi nhuận gộp	32	41	9	28,13%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	-67	13	80	119,40%
4	Lợi nhuận sau thuế	-67	13	80	119,40%

3. Công ty TNHH MTV Thép Phúc Tiến

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	1.325	1.001	-324	-24,45%
2	Lợi nhuận gộp	22	29	7	31,82%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	3	13	10	333,33%
4	Lợi nhuận sau thuế	3	10	7	233,33%

4. Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	2.127	1.577	-550	-25,86%
2	Lợi nhuận gộp	38	76	38	100,00%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	-15	26	41	273,33%
4	Lợi nhuận sau thuế	-15	18	33	220,00%

- Danh sách công ty sở hữu gián tiếp:

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	1.077	732	-345	-32,03%
2	Lợi nhuận gộp	20	23	3	15,00%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	-4	10	14	350,00%
4	Lợi nhuận sau thuế	-4	8	12	300,00%

2. Công ty TNHH Phúc Tiến – Hải Phòng

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch tăng, giảm (+/-)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	563	532	-31	-5,51%
2	Lợi nhuận gộp	10	16	6	60,00%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	3	10	7	233,33%
4	Lợi nhuận sau thuế	2	7	5	250,00%

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	Số tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước % (+/-)
1	Tổng giá trị tài sản	3.573	2.774	-799	-22,36%
2	Doanh thu thuần	5.396	4.085	-1.311	-24,30%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-135	93	228	168,89%
4	Lợi nhuận khác	-10	2	12	120,00%
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	-144	95	239	165,97%
6	Lợi nhuận sau thuế	-146	79	225	154,11%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-1.420	754	2.174	153,07%

Tổng giá trị tài sản năm 2020 đạt 2.774 tỷ, giảm -22.36% so với năm 2019; Doanh thu thuần giảm 24.30% so với năm 2019, doanh thu thuần giảm do nhu cầu thị trường giảm vì tình hình dịch covid 19; Do giá vốn hàng bán thấp, cộng với giá thép có chiều hướng tăng vào cuối năm dẫn tới Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 tăng mạnh 168.89% so với năm 2019. Điều này ảnh hưởng tới Lợi nhuận trước và sau thuế năm 2020 lần lượt tăng tương ứng là 165.97% và 154.11% so với năm 2019. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 của TLH đạt mức 754 đồng/cổ phiếu.

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*): Không có

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares:

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ : 1.021.106.210.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 102.106.621 cổ phần (*)
- + Cổ phiếu đang lưu hành : 100.650.621 cổ phần
- + Cổ phiếu quỹ : 1.460.000 cổ phần

(*): Tất cả số cổ phần này đều là cổ phần tự do chuyên nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

a) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	-	0,00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cp trở lên	31.599.488	30,95%	2	-	2
	- Trong nước	31.599.488	30,95%	2	-	2
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.460.000	1,43%	1	1	-
6	Cổ đông khác	69.051.133	67,62%			
	- Trong nước	68.048.260	66,64%	5.230	56	5.174
	- Nước ngoài	1.002.873	0,98%	53	18	35
	TỔNG CỘNG	102.110.621	100,00%	5.286	75	5.211
	Trong đó: - Trong nước	101.107.748	99,02%	5.233	57	5.176
	- Nước ngoài	1.002.873	0,98%	53	18	35

(Trích nguồn danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 27/03/2020 và có cập nhật thay đổi của cổ đông lớn)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity:

Trong năm 2020 công ty không phát hành thêm cổ phiếu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks:*

- + Trong năm 2020, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ;
- + Cổ phiếu quỹ hiện tại là: **1.460.000** cổ phiếu.

e) Các chứng khoán khác/*Other securities: Không*6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission* : Hoạt động kinh doanh của công ty là hoạt động thương mại và gia công thép cuộn chiếm tỷ trọng trên 90% do vậy trong quá trình hoạt động không phát ra khí thải nhà kính, trừ trường hợp khí thải nhà kính phát ra do sinh hoạt của người lao động.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission.*: Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty nên chưa triển khai các phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm không có;

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức chưa triển khai;

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên Năng lượng tiêu thụ trực tiếp chủ yếu là điện năng sử dụng cho gia công thép cuộn và điện sử dụng cho văn phòng, hệ thống chiếu sáng, bảo vệ.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Để tiết kiệm năng lượng được thông qua các giải pháp trong đó quy định trong tập đoàn là toàn bộ thiết bị điện nhập khẩu, mua trong nước phải được dán nhãn tiết kiệm năng lượng theo quy định của Bộ công thương. Đối với dây chuyền sản xuất thép ngoài yếu tố công nghệ đi tắt đón đầu dây chuyền phải đáp ứng quy định định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp thép của Bộ công thương

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Do đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng và báo cáo kết quả của các sáng kiến này chưa có số liệu tổng hợp, phân tích, đánh giá.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước của công ty và các công ty con trong tập đoàn chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của công nhân viên. Riêng nhà máy thép Bắc Nam công nghệ làm mát cho dây chuyền sản xuất thép hình là sử dụng công nghệ nước tuần hoàn, lượng nước tiêu hao chủ yếu do bay hơi tự nhiên. Lượng nước tiêu hao chủ yếu được cấp bù với khối lượng nhỏ.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Tại nhà máy thép Bắc Nam (công ty liên kết) sử dụng công nghệ giải nhiệt bằng phương pháp tuần hoàn thì lượng nước tái sử dụng trên 90% sau khi lắng, lọc và hồi nước về hồ chứa.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường nên chưa có bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Chưa có số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lượng lao động : 325

- Mức lương trung bình đối với người lao động : 9.500.000 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		Tình hình thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước		Tình hình thực hiện năm nay so với Kế hoạch đề ra	
			Kế hoạch	Thực hiện	Số tăng(+)/giảm (-)	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	Số tăng(+)/giảm (-)	Tỷ lệ tăng, giảm ((%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,400	4,500	4,085	-1,315	-24.35%		-9.22%
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	5		1	-4	-80.00%		
03	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,396	4,500	4,085	-1,311	-24.30%	-415	-9.22%
04	Giá vốn hàng bán	5,229	4,201	3,820	-1,409	-26.95%	-381	-9.07%
05	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	166	299	265	99	59.64%	-34	-11.37%
06	Doanh thu hoạt động tài chính	12	10	41	29	241.67%	31	310.00%
07	Chi phí tài chính	86	72	88	2	2.33%	16	22.22%
08	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	82	68	81	-1	-1.22%	13	19.12%
09	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-9	0	-15				
10	Chi phí bán hàng	51	40	52	1	1.96%	12	30.26%
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	167	134	58	-109	-65.27%	-76	-56.77%
12	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	-134	63	93	227	269.40%	30	47.85%
13	Thu nhập khác	2		3	1	50.00%		
14	Chi phí khác	12		2	-10	-83.33%		

15	Lợi nhuận khác	-10	0	2	12	120.00%		
16	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-144	63	95	239	165.97%	32	51.03%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1	13	16	15	1500.00%	3	27.19%
18	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-146	50	79	225	154.11%	29	157.00%
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	-143		76	219	153.15%	76	
21	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-3		3	6	200.00%	3	
22	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-1,420	503	754	2,174	153.10%	251	149.90%

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified

Trong báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ không có ý kiến loại trừ của kiểm toán viên do vậy Ban tổng giám đốc không có ý kiến giải trình.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Do đặc điểm của công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại nên không có phần tác động môi trường như (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...); Phần tiêu thụ nước chủ yếu là nước sinh hoạt, hệ thống làm mát bằng nước tuần hoàn tại nhà máy thép Bắc nam với tỷ lệ thu hồi cao trong năm 2020 không phát sinh, phần năng lượng điện chủ yếu dùng cho bộ phận gia công thép tấm, sinh hoạt, chiếu sáng và các máy, thiết bị nâng hạ do vậy lượng chất thải phát tán ra môi trường không có.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

Vấn đề người lao động trong công ty được Ban lãnh đạo quan tâm hàng đầu, do vậy người lao động trong tập đoàn yên tâm công tác.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community* : Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

- Tổ chức thường xuyên các phiên họp định kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, phương hướng hoạt động và các kế hoạch quan trọng chủ chốt khác của công ty, nhằm chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;
- Tổ chức các phiên họp bất thường khác để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kế thừa nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance*

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, thực hiện Quyết định Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty với thành tích đạt được khả quan;
- Ban Tổng Giám đốc đã có các chỉ đạo linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn thị trường, thận trọng hơn trong các quyết định mua bán và luôn giữ lượng hàng tồn kho ở mức hợp lý;
- Ban Tổng Giám đốc cũng đề ra các giải pháp phù hợp để khắc phục các nhược điểm và triển khai thực hiện nghiêm túc các Quyết định của Đại hội cổ đông, của Hội đồng quản trị trong năm 2019 vừa qua;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để dự báo, chỉ đạo và hỗ trợ ban Tổng Giám đốc (ban điều hành) Công ty phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển bền vững trong những năm tiếp theo;

- Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là Tổng giám đốc đã điều hành công ty đạt kết quả kinh doanh tốt và ổn định trong những năm vừa qua;

- Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng luôn theo sát và tiếp thu ý kiến đóng góp của Ban Tổng Giám đốc, ban kiểm soát trong công tác quản trị, định hướng và thống nhất chủ trương, giải pháp điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong từng giai đoạn, trong từng thời kỳ để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất trong thời gian tới;

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

a. Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ năm 2020 – 2024):

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên;
3	Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên; Miễn nhiệm ngày 30/05/2020.
4	Dương Quang Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên;
5	Đặng Tuấn Đại	Thành viên HĐQT không điều hành
6	Đào Thị Kim Loan	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc công ty CP thép Bắc Nam (Công ty liên kết của Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên).
7	Nguyễn Ngọc Phượng	Thành viên HĐQT không điều hành
8	Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành viên HĐQT không điều hành
9	Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT không điều hành

Lý lịch trích ngang :

Ông Nguyễn Mạnh Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 27/12/1962

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Hải Dương

Địa chỉ thường trú : D21, Khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại liên lạc: 061 8878002

Số CMND: 270883258 ngày cấp : 10/05/2006

Nơi cấp : CA tỉnh Đồng Nai

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 1993 đến năm 2001	DNTN Tiến Lên	Chủ doanh nghiệp
Từ năm 2002- >09/2009	Công ty TNHH Tiến Lên	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Từ 10/2009 đến nay	Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Đặng Tuấn Đại – Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Giới tính: Nam.

Ngày sinh: 02-09-1977

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: xã Trung Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ thường trú: Tổ 7B, Khu phố Lộc Đức 3, Phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại liên lạc: 0913.138.387

Số CMND: 272.782.560

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng luyện kim

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 01/2001 đến 12/2005	Công ty TNHH thép Tây Nguyên Địa chỉ: 12-14 đường số 1, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP HCM Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất và buôn bán sắt thép.	Trưởng ca Sản xuất
Từ 2006 đến 2009	Công ty TNHH thép Tây Nguyên Địa chỉ: 12-14 đường số 1, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP HCM Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất và buôn bán sắt thép.	Quản đốc phân xưởng Phó giám đốc điều hành
Từ năm 2012 -> đến nay	Công ty CP thép Bắc Nam Địa chỉ: Dốc 47, KCN Tam Phước, xã Tam Phước, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất sắt thép.	Phó giám đốc điều hành

Bà Đào Thị Kim Loan – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nữ.

Ngày sinh: 19/02/1977

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: D20F – Khu phố 5 – Phường Tân Hiệp – Biên Hòa – Đồng Nai

Số điện thoại liên lạc: 0989178110

Số CMND: 271289057

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ năm 2002 đến 2007	Công ty TNHH Tiên Lên	Kế toán tổng hợp
Từ năm 2007- >10/2009	Công ty TNHH Tiên Lên	Kế toán trưởng

Từ 10/2009 – tháng 02/2020	Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên	Kế toán trưởng; Từ tháng 03/2020 thôi giữ chức Kế toán trưởng công ty
Từ tháng 03/2020	Công ty CP thép Bắc Nam (Công ty Liên Kết của Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên với tỷ lệ sở hữu vốn là 48%);	Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Ngọc Phượng – Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Giới tính: Nữ.

Ngày sinh: 22/08/1997

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Hải Dương

Địa chỉ thường trú: G1A, đường Đồng Khởi, Tp. Biên Hoà, P. Tân Hiệp, Tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại liên lạc: 0385416363

Số CMND: 272479546

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại Học

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
2018 – đến nay	Công ty CP Tập Đoàn thép Tiến Lên	Trợ lý hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Vũ Hồng Anh – Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Giới tính: Nam.

Ngày sinh: 25/03/1997

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 59B, Nguyễn Kiệm, Phường 03, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc: 0376457494

Số CMND: 025546615 cấp ngày : 23/11/2011 Nơi cấp : CA TP HCM

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị/Trợ lý giám đốc

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 03/2017 đến 02/2018	Công ty The Home Depot Địa chỉ: 26120 104th Ave SE, Kent, WA 98030, USA. Ngành nghề kinh doanh : Vật liệu xây dựng và trang thiết bị nhà ở .	Nhân Viên
Từ 06/2018-> 04/2019	Công ty BitBox TP.HCM; Địa Chỉ: Số 3, Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM. Ngành nghề kinh doanh : Sàn Giao Dịch Tiền Điện Tử.	Chuyên Viên.
Từ 04/2019-> 03/2020	Công ty Ubiquist TP.HCM Địa chỉ: Số 2, Vũ Tông Phan, Phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh: Du lịch và tổ chức sự kiện.	Quản Lí
Từ 06/2020 đến nay	Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên Địa chỉ : G4A, KP.4, P.Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ công tác: Công Ty TNHH SX - TM Đại Phúc. Lô 8 Song Hành, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. HCM. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, gia công sắt thép các loại.	Trợ lý giám đốc.

Ông Nguyễn Văn Thành– Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Họ và tên /Full name: Nguyễn Văn Thành

Giới tính/Sex: Nam

Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 18/10/1991

Nơi sinh/Place of birth: Đồng Nai

Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No.(or Passport No.): .272098530 Ngày cấp/Date of issue: 08/12/06 Nơi cấp/Place of issue: CA Đồng Nai

Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

Dân tộc/Ethnic: Kinh

Địa chỉ thường trú/Permanent residence: 93/74 Khu phố 5, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Số điện/Telephone number: 0902337347

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 12/2016 đến 05/2020	Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Đại Phúc Địa chỉ: 08 đường Song Hành, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP HCM Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất và buôn bán sắt thép	Nhân viên kinh doanh
Từ 06/2020 đến nay	Công ty CP tập đoàn thép Tiến Lên Địa chỉ : G4A, KP.4, P.Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, gia công sắt thép các loại.	Thành viên HĐQT
Từ 06/2020 đến nay.	Công Ty TNHH SX - TM Đại Phúc. Lô 8 Song Hành, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. HCM. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, gia công sắt thép các loại.	Nhân viên kinh doanh

Lý lịch trích ngang của Thành viên Hội đồng quản trị sau đã trình bày mục Ban điều hành

- Bà Phạm Thị Hồng– Thành viên Hội đồng quản trị (Xem mục Ban điều hành)
- Ông Nguyễn Văn Quang – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem mục Ban điều hành)
- Ông Dương Quang Bình – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem mục Ban điều hành)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*): Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban, Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công cho từng thành viên phụ trách và thực hiện.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

STT No.	Số biên bản họp HĐQT	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval
---------	----------------------	-----------	------------------	--------------------------

				<i>rate</i>
1	01/2020/BB-HĐQT	20/02/2020	Chấp thuận cho bà Đào Thị Kim Loan thôi giữ chức vụ kế toán trưởng từ ngày 01/03/2020	100%
2	01/2020/BB-HĐQT	14/01/2020	Thông qua việc huy động vốn tạm thời của cổ đông sáng lập để bổ sung vốn lưu động	100%
3	02/2020/BB-HĐQT	20/02/2020	Bổ nhiệm bà Ngô Thị Hồng Vân làm kế toán trưởng công ty cổ phần tập đoàn thép Tiên Lên	100%
4	03/2020/BB-HĐQT	06/03/2020	Tổ chức đại hội đồng cổ đông năm 2020	100%
5	12/2020/BB-HĐQT	30/09/2020	Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Quang.	88%
6	13/2020/BB-HĐQT	10/12/2020	Kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ để bình ổn giá cổ phiếu trên thị trường.	88%
7	01/2020/BB-CT-HĐQT	20/02/2020	Chấp thuận cho bà Đào Thị Kim Loan thôi làm người được ủy quyền công bố thông tin	100%
8	02/2020/BB-CT-HĐQT	20/02/2020	Bổ nhiệm bà Ngô Thị Hồng Vân là người được ủy quyền công bố thông tin	100%

III. Ban kiểm soát năm 2020/Board of Supervisors annual report:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Board of Supervisors:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Bà/Ms.Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng Ban kiểm soát	30/05/2020 (nhiệm kỳ 2020-2024)	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
2	Bà/Ms Cao Thị Hoài Thu	Thành viên ban kiểm soát	30/05/2020 (nhiệm kỳ 2020-2024)	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
3	Bà/Ms Nguyễn Thị Tâm	Thành viên ban kiểm soát	30/05/2020 (nhiệm kỳ 2020-2024)	Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members.* Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors'*

subcommittees: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results):

Nhân sự cho ứng cử / đề cử cho vị trí thành viên HĐQT độc lập trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 không có ứng cử viên nào, đại hội chỉ bầu và thông qua được các thành viên HĐQT không điều hành như sau :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đặng Tuấn Đại	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Nguyễn Ngọc Phượng	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Nguyễn Vũ Hồng Anh	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT không điều hành

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

Hàng năm các thành viên Hội đồng quản trị của công ty tham gia nhiều khoá học ngắn hạn của Phòng thương mại Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam tổ chức bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, kinh doanh và một số tình huống điển hình xảy ra tranh chấp trong thương mại quốc tế. Trong năm 2021 Hội đồng quản trị công ty sẽ bố trí một số thành viên Hội đồng quản trị của công ty tham gia khoá học về quản trị công ty và các lớp chuyên sâu do Sở giao dịch tổ chức.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).*

Danh sách thành viên của Ban kiểm soát :

STT	Tên thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng ban kiểm soát	21.809	0,02
2	Cao Thị Hoài Thu	Thành viên ban kiểm soát	21.809	0,02
3	Nguyễn Thị Tâm	Thành viên ban kiểm soát		

Lý lịch trích ngang :

Bà : Lê Thị Hồng Liễu – Trưởng ban

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 06/06/1966

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Bến Tre

Địa chỉ thường trú: 51 E Đường số 6, P4, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc: 0908.279.827

Số Sổ CCCD: 083166000314 Ngày cấp: 02/03/2020 ; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng ban kiểm soát

Số cổ phần đang nắm giữ: 21.809 cổ phần chiếm 0.02% trên số cổ phiếu lưu hành của công ty

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 21.809 cổ phần chiếm 0.02% trên số cổ phiếu lưu hành của công ty

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 09/1988 đến 12/1989	Công ty XNK Chợ Lách, Bến Tre	Kế toán
01/1990 đến 09/1996	HTX mua bán huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre	Kế toán tổng hợp
10/1996 đến 03/1997	Công ty Liên Doanh Đại Thành	Kế toán tổng hợp
05/1997 đến 12/2001	DNTN Tiến Lên, Biên Hòa, Đồng Nai	Kế toán
01/2002 đến 06/2002	Công ty TNHH Tiến Lên, Biên Hòa, Đồng Nai	Kế toán
07/2002 đến 10/2012	Công Ty TNHH Thép Tây Nguyên, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân	Kế toán trưởng
11/2012 đến 12/2013	Công Ty TNHH Thép Tây Nguyên, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân	Trưởng phòng kiểm soát nội bộ
01/2014 đến 12/2015	Công ty CP Thép Bắc Nam, Long Thành, Đồng Nai	Kế toán trưởng
01/2016 đến nay	Công Ty TNHH Thép Tây Nguyên, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân	Trưởng phòng kiểm soát nội bộ

Lý lịch trích ngang :

Bà : Cao Thị Hoài Thu – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 11/04/1975

Quốc tịch: Việt Nam. .

Dân tộc: Kinh.

Quê quán : Xã Hưng Thái, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Khối 7 Thị Trấn Hưng Nguyên, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0901552807

Số CMND: 186223801 ngày cấp : 2/10/2010 , cấp tại Nghệ An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế khoa tài chính tế toán

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên ban kiểm soát

Số cổ phần đang nắm giữ: 21.809 cổ phần chiếm 0.02% trên số cổ phiếu lưu hành của công ty

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 21.809 cổ phần chiếm 0.02% trên số cổ phiếu lưu hành của công ty

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
01-2002 ->06-2002	Công ty TNHH nệm mút Mỹ Á	Kế toán trưởng
07-2002- >đến nay	Công ty TNHH SX và TM Đại Phúc	Kế toán trưởng

Lý lịch trích ngang :

Bà : Nguyễn Thị Tâm – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 09/05/1986

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Xã Đông Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: A14.01 Khu Chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp. HCM

Số điện thoại liên lạc: 0985287566

Số CCCD: 040186000627 , ngày cấp : 19/09/2016, cấp tại: Cục Trưởng Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú Và DLQG Về Dân Cư

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kế toán

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên ban kiểm soát

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
02/2008 đến 02/2010	Công Ty TNHH SX và TM Đại Phúc - Lô 08 Song Hành, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp.HCM.	Kế toán
03/2010 đến nay	Công Ty TNHH SX và TM Đại Phúc - Lô 08 Song Hành, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp.HCM.	Kế toán tổng hợp

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/ Audit Committee's meetings, their contents and results*).

Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà/Ms. Lê Thị Hồng Liễu	4	100%	100%	
2	Bà/Ms Cao Thị Hoài Thu	4	100%	100%	
3	Bà/Ms Nguyễn Thị Tâm	4	100%	100%	

Ban kiểm soát họp từng quý với sự tham gia của 100% thành viên, tham dự các cuộc họp định kỳ, các cuộc họp giao ban do HĐQT, Ban tổng giám đốc tổ chức. Thẩm định báo cáo tài chính của công ty và qua đó đề xuất kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits*; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo riêng của công ty mẹ;

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Trong kỳ không có phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ của công ty.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Ban điều hành thực hiện đúng các nguyên tắc sau đây :

- a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
- b. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- d. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát;
- đ. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
- e. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành;
- f. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- g. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm:

Bảng cân đối kế toán;

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ

Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên
- HĐQT (Thay b/c)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY

**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S
LEGAL REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and seal)



**Chủ Tịch HĐQT
NGUYỄN MẠNH HÀ**